

HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC TẠO LỰC, LẬP THỂ, TRANH THỜI CHO THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 Ở VIỆT NAM

ThS. PHẠM TẤN XUÂN TƯỚC^(*)

Tóm tắt: Là một mốc son chói lọi trong lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công là kết quả tổng hợp của nhiều nguyên nhân. Trong đó, sự đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Đông Dương và lãnh tụ Hồ Chí Minh là nhân tố giữ vai trò quyết định. Hồ Chí Minh không chỉ tích cực tạo lực, mà còn chủ động tranh thời nhằm đặt cách mạng Việt Nam vào thế có lợi nhất. Bài học về nghệ thuật tạo lực, lập thể, tranh thời của Người vẫn còn nguyên giá trị soi đường cho Đảng và Nhà nước ta trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Từ khóa: Cách mạng Tháng Tám; Hồ Chí Minh; tạo lực; lập thể

Cách đây hơn 75 năm, quốc dân Việt Nam nhiệt liệt hưởng ứng *Bức thư của lão đồng chí Nguyễn Ái Quốc* nhất tề đứng lên dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh, Đảng Cộng sản Đông Dương tiến chiếm các cơ quan của chính quyền tay sai. Chỉ trong vòng nửa tháng (từ ngày 14/8/1945 đến ngày 28/8/1945), ngoại trừ một số thị xã do Tưởng Giới Thạch và tay sai chiếm đóng từ trước là: Hà Giang, Lào Cai, Móng Cái, Lai Châu, Vĩnh Yên, toàn bộ chính quyền từ Bắc vào Nam đã thuộc về tay Nhân dân. Đánh dấu cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 đã thành công trong cả nước.

Hiện nay, khi đề cập đến nguyên nhân thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, một số sử gia trong và ngoài nước lập luận: sự kiện Nhật đầu hàng, quân Đồng minh chưa kịp vào tiếp quản Đông Dương đã tạo ra khoảng trống quyền lực. Nhờ vậy, mà Việt Minh giành chính quyền dễ dàng và không phải đổ máu. Từ đó, họ kết luận thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám là một sự “ăn may”. Bài viết này nhằm góp thêm luận cứ phản bác quan điểm trên qua việc khắc họa “dấu ấn” Hồ Chí Minh trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Trong lịch sử giữ nước, cha ông ta đã sớm biết dựa vào thế và lực của đất nước, đồng thời tranh thủ thời cơ tạo nên những chiến công vĩ đại làm rạng danh dân tộc Việt Nam. Tổng kết lịch sử, Nguyễn Trãi khẳng định: “được thời có thế, thì mất biển thành còn, nhỏ hóa ra lớn; không thời mất thế thì to hóa ra nhỏ, mạnh hóa ra yếu, an thành suy. Sự thay đổi ấy, chỉ trong khoảng trở bàn tay”⁽¹⁾. Phép đánh giặc giữ nước ấy của dân tộc đã được Hồ Chí Minh kế thừa, nâng lên tầm cao mới, trở thành phương pháp cách mạng được Người sử dụng trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam.

1. Tạo lực

Theo Hồ Chí Minh, lực cách mạng bao gồm cả lực lượng vật chất lẫn tinh thần. Lực lượng không đơn thuần chỉ là tiềm lực kinh tế - tài chính, quân sự, cơ sở vật chất - kỹ thuật, mà còn bao gồm những yếu tố khác, như: tính chất phi nghĩa hay chính nghĩa trong một cuộc chiến; lòng yêu nước và tinh thần dân tộc; trình độ và tiềm năng trí tuệ của con người.

Nhận thức đầu tiên của Hồ Chí Minh về những thất bại của Nhân dân ta trước thực dân Pháp là do lực lượng kẻ xâm lược quá mạnh, trong khi đó, lực lượng của dân tộc quá yếu, vì triều đình chia rẽ và bạc nhược; các phong trào cách mạng của

^(*)Học viện Chính trị khu vực II, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Nhân dân rời rạc, thiếu đoàn kết thống nhất. Vì vậy, trong suốt cuộc trường chinh gian khổ để cứu nước, Hồ Chí Minh luôn tâm niệm một điều phải huy động sức mạnh của cả dân tộc vào công cuộc giải phóng đất nước, thống nhất Tổ quốc. Sau khi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn, Người chủ trương “trở về nước, đi vào quần chúng, thức tỉnh họ, tổ chức họ, đoàn kết họ, huấn luyện họ, đưa họ ra đấu tranh giành tự do độc lập”⁽²⁾. Nhận thức về việc phải xây dựng được lực lượng cách mạng hùng hậu của Nhân dân thì mới có thể đưa cách mạng đến thành công, Hồ Chí Minh khẳng định cách mạng Việt Nam phải *tự lực*, phải *đoàn kết*, phải *đồng tâm*. Nghĩa là, phải có sức mạnh để “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”⁽³⁾. Tuy nhiên, chỉ đến khi trực tiếp chỉ đạo cách mạng Việt Nam, vấn đề lực lượng cách mạng và tạo lực cho cách mạng trong tư tưởng Hồ Chí Minh mới được thể hiện một cách rõ nét.

Lực trước hết là lực lượng lãnh đạo cách mạng. Sức mạnh của cách mạng trước hết là sức mạnh của tổ chức. Trong tác phẩm *Đường Kách mệnh*, trả lời câu hỏi cách mệnh trước hết phải có cái gì? Người khẳng định: “Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”⁽⁴⁾. Đảng cách mệnh mà Hồ Chí Minh nói trên là Đảng Cộng sản. Sứ mệnh của Đảng là làm cho dân giác ngộ, “giảng giải lý luận và chủ nghĩa cho dân hiểu..., bày sách lược cho dân”⁽⁵⁾, lãnh đạo dân chúng đấu tranh để giải phóng dân tộc, giai cấp và con người. Hồ Chí Minh xem sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Với nhận thức đó, Người đã dày công chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, soạn thảo *Cương lĩnh* hành động của Đảng, xác định con đường giải phóng dân tộc theo phương hướng cách mạng vô sản. Không chỉ sáng lập, Hồ Chí Minh còn trực tiếp lãnh đạo, giáo dục rèn luyện Đảng về mọi mặt, nhằm làm cho Đảng luôn là tổ chức trong sạch vững mạnh. Vì vậy, tuy còn non trẻ về tuổi

đời, số lượng hạn chế (gần 05 nghìn đảng viên, tính cả ở Lào, Campuchia và bị giam trong các nhà tù đế quốc), nhưng “Vì chính sách của Đảng đúng, và thi hành chính sách ấy kịp thời và linh động”⁽⁶⁾ đã “tổ chức lãnh đạo 24 triệu đồng bào khởi nghĩa, cách mạng cả nước thành công”⁽⁷⁾.

Lực còn là sức mạnh của lực lượng chính trị quần chúng khi được giác ngộ, tổ chức và đoàn kết lại. Thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là kết quả tất yếu của chủ trương xác định và tổ chức lực lượng cách mạng đúng đắn, phù hợp. Trên cơ sở kế thừa tư tưởng “nước lấy dân là gốc” trong lịch sử dân tộc, quán triệt quan điểm “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng” của chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh xem sức mạnh vĩ đại cùng năng lực sáng tạo vô tận của quần chúng là nhân tố then chốt đảm bảo thắng lợi của cách mạng. Người khẳng định: “Dân khí mạnh thì quân lính nào, súng ống nào cũng không chống lại”⁽⁸⁾. Theo Hồ Chí Minh, lực lượng trong tiến trình cách mạng Việt Nam là “cả dân chúng”, trước hết là tất cả những người Việt Nam yêu nước, tán thành với mục tiêu độc lập, tự do, hạnh phúc. Như vậy, nguyên tắc để Hồ Chí Minh xác định lực lượng cách mạng là những ai đấu tranh cho lợi quyền của dân tộc và vì sự tiến bộ của nhân loại. Lực lượng cách mạng được Hồ Chí Minh sắp xếp theo trình tự nhất định, có “gốc” và “bầu bạn” cách mạng. Công - nông được Người xác định là “gốc”, “chủ” - động lực chính của cách mạng, còn tiểu tư sản, tư sản dân tộc, trung tiểu địa chủ và tất cả những người yêu nước là “bầu bạn” của công - nông; bị áp bức dân tộc và vô sản giai cấp thế giới là một trong những lực lượng rất quan trọng của cách mạng Việt Nam. Việc xác định và sắp xếp lực lượng cách mạng như trên của Hồ Chí Minh vừa đúng với quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, vừa phù hợp với đặc thù xã hội Việt Nam.

Phân tích địa vị kinh tế - xã hội để nhận rõ thái độ chính trị của từng giai tầng là điểm khác biệt cơ bản trong chủ trương xác định lực lượng cách mạng giữa Hồ Chí Minh với các nhà yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX và Quốc tế Cộng sản. Để giải phóng dân tộc, Phan Bội Châu cũng nêu khẩu hiệu “toàn dân đoàn kết”, chủ trương tập hợp rộng rãi,

từ kẻ “phú hào, quan tước, thế gia, sĩ, lính tập, bồi bếp, thông ký, người đi du học, cừu gia đệ tử, nhi nữ, anh sĩ” cho đến cả “những kẻ côn đồ, nghịch tử”... chỉ riêng công nhân và nông dân chiếm số đông thì lại chưa thấy nói đến⁽⁹⁾. Trong chỉ đạo cách mạng Đông Dương, Quốc tế Cộng sản khẳng định lực lượng cách mạng chỉ bao gồm công nhân và nông dân. Đối với tư sản dân tộc và phú nông thì “không bao giờ được liên minh với họ” và “không nên cường điệu khuynh hướng cách mạng của giai cấp tiểu tư sản thành thị, lại càng không nên xem những phần tử ít cách mạng nhất - tầng lớp tiểu thương như là động lực cách mạng”⁽¹⁰⁾.

Xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, Hồ Chí Minh nhận thấy trong xã hội tồn tại nhiều mâu thuẫn: vừa có mâu thuẫn bên trong, vừa có mâu thuẫn bên ngoài. Tuy mâu thuẫn nhưng giữa công nhân với tư sản, nông dân với địa chủ ở Việt Nam vẫn có một sự tương đồng lớn - đều là người dân nô lệ mất nước và khao khát một nền độc lập. Chính vì vậy, mâu thuẫn bên trong chỉ là thứ yếu so với mâu thuẫn bên ngoài - giữa dân tộc ta với thực dân Pháp. Lòng yêu nước và mục tiêu đấu tranh vì lợi ích dân tộc của các giai cấp, tầng lớp là cơ sở để Hồ Chí Minh đề ra chủ trương đoàn kết, lôi kéo hoặc “trung lập hóa” các lực lượng (tư sản dân tộc, phú nông, trung tiểu địa chủ) trong suốt tiến trình cách mạng Việt Nam. Chủ trương không được phép bỏ sót một lực lượng nào sẵn sàng phục vụ quốc gia là sáng tạo tuyệt vời của Hồ Chí Minh.

Xác định đúng lực lượng cách mạng đã khó, nhưng tập hợp và phát huy sức mạnh của lực lượng lại càng khó hơn. Lý giải sự thất bại của các phong trào yêu nước chống thực dân Pháp trước khi Đảng ra đời, Hồ Chí Minh cho rằng, không phải Nhân dân ta kém anh hùng, mà vì “chúng ta thiếu tổ chức và thiếu người tổ chức”⁽¹¹⁾. Ở Việt Nam, trước năm 1930, các hội, đảng chính trị đã xuất hiện trong phong trào giải phóng dân tộc. Tuy nhiên, những tổ chức, đảng phái này, do thiếu đường lối chính trị đúng đắn, thiếu tổ chức chặt chẽ, thiếu cơ sở rộng rãi trong quần chúng nên không thể lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc thành công và dần tan rã cùng với khuynh hướng cứu nước phong kiến hay tư sản. Hồ Chí Minh chỉ ra nguyên nhân thất bại của Việt

Nam Quốc dân Đảng: “...bao gồm những tiểu chủ, giáo học, công chức, đội, quản, phú nông... Nó không có một chính cương chính trị xã hội rõ ràng. Nó muốn một nước cộng hòa, nhưng thứ cộng hòa nào? Sẽ cai trị quốc gia như thế nào? Với phương pháp gì người ta sẽ xây dựng lại kinh tế quốc gia? Làm thế nào để nâng cao mức sống của những tầng lớp lao động, thợ thuyền, nông dân và trí thức. Về những điều này, Việt Nam Quốc dân Đảng chưa có một chương trình rõ rệt... Không biết đến lực lượng nhân dân. Sự tuyên truyền và tổ chức Đảng chỉ hạn chế trong tầng lớp trung gian”⁽¹²⁾.

Theo Hồ Chí Minh, tuy cách mạng là việc khó, nhưng quyết tâm và hiệp lực thì sẽ thành công. Cả dân tộc chỉ đồng tâm, hiệp lực khi giác ngộ về mục tiêu chiến đấu chung, được tổ chức lại thành một khối vững chắc và hoạt động theo đường lối chính trị đúng đắn. Nghĩa là, dân chúng phải được tập hợp, đoàn kết lại trong các tổ chức yêu nước, mà bao trùm lên tất cả là Mặt trận Dân tộc thống nhất. Trả lời câu hỏi: Có hội thì lợi gì? Không thì hại gì? Hồ Chí Minh cho rằng: “Người không có tổ chức thì cũng như chiếc đũa lẻ loi, ai bẻ cũng gãy. Người có đoàn thể thì cũng như nhiều chiếc đũa, kết thành một bó, không ai bẻ gãy được”⁽¹³⁾.

Từ nhận thức này, Hồ Chí Minh và Đảng rất quan tâm đến công tác xây dựng Mặt trận Dân tộc thống nhất, nhằm quy tụ và phát huy sức mạnh của Nhân dân. Mặt trận Dân tộc thống nhất là tổ chức chính trị - xã hội rộng rãi, tập hợp đông đảo các giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, đảng phái, tổ chức và cá nhân yêu nước cả trong lẫn ngoài nước. Do có chung mục tiêu phấn đấu vì độc lập, thống nhất của Tổ quốc và tự do, hạnh phúc của Nhân dân, nên Đảng Cộng sản Đông Dương cũng là thành viên của Mặt trận. Bên cạnh đó, Đảng còn là lực lượng lãnh đạo Mặt trận. Vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận không phải là tự phong, mà do Mặt trận thừa nhận. Bởi vì, Đảng đấu tranh cho quyền lợi của cả dân tộc, có chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo. Chính điều này đã cho phép phát huy đến mức cao nhất sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc nhằm đạt mục tiêu cách mạng đề ra.

Đầu năm 1940, thực dân Pháp - kẻ thù thống trị Đông Dương đầu hàng phe phát xít. Dự đoán

thời cơ để diễn ra cuộc khởi nghĩa ở Việt Nam đang tới gần, Hồ Chí Minh đã quyết định về nước, trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Tháng 5/1941, với tư cách đại biểu của Quốc tế Cộng sản, Người triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương lần thứ tám. Hội nghị quyết định đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu. Các lực lượng cách mạng của dân tộc cần tập trung mũi nhọn đấu tranh vào bọn phát xít và thực dân xâm lược Nhật - Pháp. Bên cạnh đó, theo sáng kiến của Hồ Chí Minh, Trung ương còn chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ mỗi nước ở Đông Dương, lập Việt Nam Độc lập Đồng minh hội đoàn kết mọi lực lượng cách mạng để đấu tranh giải phóng dân tộc. Ngày 25/10/1941, Mặt trận Việt Minh tuyên bố thành lập, công bố 10 chính sách. Dưới ngọn cờ của Mặt trận, hàng chục triệu hội viên, từ các tầng lớp sỹ, nông, công, thương, binh, các dân tộc nhất tề vùng dậy làm cuộc khởi nghĩa “long trời, lở đất”. Nhận định về sự kiện vĩ đại này, Hồ Chí Minh cho rằng, nhờ “Đoàn kết trong Mặt trận Việt Minh, nhân dân ta đã làm Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”⁽¹⁴⁾. Nhà sử học Hen Xobóclem - tác giả cuốn *Việt Nam một dân tộc trong cách mạng* đánh giá: “Lực lượng du kích ít ỏi, nhưng sự ủng hộ của dân chúng rộng khắp ở mọi nơi... Đối với tương lai của Việt Nam, đây là cuộc thử sức bằng cả lực lượng và tài trí. Ông Hồ đã tìm ra giải pháp đúng, đi nước cờ thật tài ba tuyệt diệu... Những người đứng đầu Việt Minh được tán thành do quá khứ của họ, và quá khứ lâu dài của Đảng Cộng sản Đông Dương. Sức mạnh của họ không phải do ưu thế cá nhân, mà do họ đã tìm thấy bên trong đất nước của mình điều bí mật về sức mạnh dân tộc, nghĩa là của 25 triệu người Việt Nam lúc ấy!”⁽¹⁵⁾.

Nói đến việc tạo lực cho cách mạng, không thể không nói đến *lực lượng vũ trang* mà Hồ Chí Minh đã dày công xây dựng từ cuối năm 1941. Bước đầu là thành lập đội vũ trang ở Cao Bằng, mở các lớp huấn luyện quân sự. Đến cuối năm 1944, Người chỉ thị cho đồng chí Võ Nguyên Giáp thành lập “Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân”. Theo Người, đội quân đó cần coi trọng chính trị hơn quân sự, có nhiệm vụ “vũ trang các địa phương”, làm

cho đội quân lớn mạnh nhanh chóng và trở thành đội quân chủ lực của cách mạng. Mặt khác, đội quân du kích có mặt khắp nơi cũng gây cho địch không ít tổn thất. Bên cạnh đó, Hồ Chí Minh và Đảng còn chú trọng xây dựng căn cứ địa và chính quyền cách mạng ở các địa phương. Với lực lượng đã chuẩn bị, Hồ Chí Minh đã tận dụng được thời cơ phát động đồng bào khởi nghĩa giành chính quyền trong tháng 8/1945.

2. Lập thế

Thế là vị thế, là xu thế vận động của lực. Thế trong nghệ thuật quân sự là tinh thế, thế nước, thế trận chiến tranh, thế bố trí lực lượng gắn với địa hình và điều kiện địa lý nhất định. Để nâng cao hiểu biết cho cán bộ quân sự, nhất là cấp chỉ huy về thế và sự lợi hại của thế, Hồ Chí Minh dẫn ý kiến Tôn Tử ví tính chất của mỗi thế trận như tính chất của nước. Nước lúc nào cũng chảy xuống chỗ trũng chứ không thể chảy ngược lên cao. Nếu “Được Thế tốt, thì đánh với địch như xoay gỗ với đá. Gỗ với đá khi yên thì nó tĩnh, khi nguy thì nó động. Vuông thì nằm, tròn thì nó lăn. Cho nên lúc đánh địch, thì Thế như lăn đá tròn xuống dốc núi cao mấy nghìn thước”⁽¹⁶⁾. Thế là yếu tố có thể làm tăng sức mạnh, hiệu quả của lực, nhưng phải là thế tốt, thế hay và chỉ có như vậy mới phát huy được hết tác dụng của lực. Tuy thế bao giờ cũng lấy lực làm cơ sở và do lực quyết định, nhưng ở thế có lợi, thế hiểm thì chỉ cần lực nhỏ cũng có thể chuyển hóa thành lực lớn. Ngược lại, lực lớn nhưng ở vào thế bất lợi hoặc bị mất thế cũng dễ bị suy yếu. Hồ Chí Minh cho rằng: “Quả cân chỉ một kilôgam, ở vào thế lợi thì lực của nó tăng lên nhiều, có sức mạnh làm bồng được một vật nặng hàng trăm kilôgam. Đó là thế thắng lực”⁽¹⁷⁾ (ở phần chú thích). Vì vậy, trong chiến tranh cũng như ở từng trận đánh, người chỉ huy phải luôn biết tạo thế lợi, thế hay để lấy thế bù lực và nhân sức mạnh của lực.

Nhận thức tầm quan trọng của thế, trong quá trình lãnh đạo, Hồ Chí Minh luôn tìm cách đặt cách mạng Việt Nam vào thế có lợi, thế quang minh chính đại, thế chính nghĩa và phá lực của kẻ thù bằng việc đẩy chúng vào thế phi nghĩa, xâm lược. Lãnh đạo một dân tộc nhỏ, yếu chiến đấu chống lại các đế quốc to, Hồ Chí Minh rất quan

tâm đến việc đoàn kết quốc tế nhằm tranh thủ sự giúp đỡ của các lực lượng cách mạng thế giới đối với cách mạng Việt Nam.

Khi hoạt động trong Quốc tế Cộng sản, Hồ Chí Minh ra sức xây dựng khối đoàn kết của các nước thuộc địa, kêu gọi các đảng cộng sản phải phối hợp hành động làm cho các thuộc địa đoàn kết lại, nhằm phá “thế cô lập” lâu nay khiến cho các dân tộc phương Đông bị suy yếu. Theo Hồ Chí Minh, không chỉ làm tăng sức mạnh bằng tổ chức lực lượng trong nước, mà còn phải đoàn kết các nước thuộc địa thành lập một mặt trận chống thực dân. Người đã hiện thực hóa tư tưởng này bằng việc vận động thành lập *Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa* năm 1921; *Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á - Đông* năm 1924; đoàn kết, phối hợp chiến đấu của 03 dân tộc Việt - Miên - Lào dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương cùng chống Pháp, Nhật.

Ngoài ra, Hồ Chí Minh còn tranh thủ sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản. Trong bài *Nguyên Ái Quốc mùa xuân 1940 qua một cánh cửa tư liệu mới* có đoạn: “Nói tóm lại, những điều kiện khách quan thực là thuận lợi. Nhưng điều kiện chủ quan là Đảng Cộng sản Đông Dương chúng tôi còn yếu... Đảng chúng tôi qua 10 năm đã phải trải qua 2 cuộc khủng bố trắng. Hiện tại những cán bộ kỳ cựu, có kinh nghiệm công tác Đảng thì nhiều người còn trong tù. Chính vì thế khả năng của quần chúng còn bị hạn chế và chưa có thể vận dụng được cơ hội “ngàn năm có một” đó. Chúng tôi đang có những khả năng thay đổi tình thế đó, vượt qua những khó khăn. Để làm được việc đó, Quốc tế cần giúp đỡ Đảng chúng tôi thực hiện sứ mệnh lịch sử của mình. Đảng chúng tôi hoàn toàn có những khả năng như vậy. Chúng tôi chùng nào còn chưa có đủ những điều kiện từ bên trong, thì việc có sự trợ giúp từ bên ngoài còn rất cần thiết. Nếu chúng tôi có được những điều kiện sau đây: 1. Sự tự do đi lại biên giới. 2. Một số vũ khí. 3. Một số phương tiện (tiền bạc). 4. Một số cố vấn. Thì chúng tôi sẽ thành lập được những khu căn cứ chống Pháp - Nhật. Đó cũng là những mong ước trước hết của chúng tôi. Nếu làm được những việc đó, tận dụng những mâu thuẫn giữa những thế lực đế quốc, thành lập và mở rộng được

Mặt trận Dân tộc thống nhất của cả những dân tộc bị áp bức, thì tương lai tươi sáng không còn không còn là điều xa vời với dân tộc chúng tôi. Rất mong được các đồng chí giúp đỡ để chúng tôi giải quyết vấn đề đó”⁽¹⁸⁾.

Thành công lớn nhất của Hồ Chí Minh trong việc tạo thế chuẩn bị cho Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là lợi dụng mâu thuẫn giữa các thế lực đế quốc, chủ yếu là mối quan hệ đan xen lợi ích phức tạp giữa Mỹ, Tưởng, Pháp và Nhật ở Đông Dương.

Sau sự kiện Trân Châu cảng (ngày 07/12/1941), Mỹ quyết định tham gia phe Đồng minh chống phát xít. Ở châu Á, Mỹ ra sức giúp đỡ Quốc dân Đảng của Tưởng Giới Thạch tiến hành cuộc kháng chiến chống phát xít Nhật tại Trung quốc và kiềm chế Đảng Cộng sản Trung Quốc. Bên cạnh đó, Tổng thống Franklin D. Roosewelt còn muốn mở rộng ảnh hưởng của Mỹ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương sau khi chiến tranh kết thúc. Thực hiện ý đồ này, Mỹ đẩy mạnh các hoạt động quân sự và ra sức tiếp xúc, lôi kéo, hỗ trợ cho các lực lượng kháng chiến chống Nhật ở khu vực. Cùng với đó, Mỹ còn tìm cách ngăn chặn Pháp trở lại Đông Dương thông qua kế hoạch trung lập hóa Đông Dương, thiết lập chế độ ủy trị ở Đông Dương sau chiến tranh. Tại Hội nghị Tehran (tháng 11/1943), Tổng thống Franklin D. Roosewelt đã cố gắng thuyết phục Xtalin và Winston Churchill ủng hộ chủ trương “Đồng minh không nên giúp Pháp nắm lại quyền kiểm soát xứ Đông Dương”⁽¹⁹⁾.

Về phía Tưởng Giới Thạch, khi Nhật phát động cuộc chiến tranh xâm lược nhằm thôn tính toàn Trung Quốc (tháng 7/1937), trước áp lực đấu tranh của nhân dân đã buộc phải hợp tác với Đảng Cộng sản thành lập Mặt trận Dân tộc thống nhất chống Nhật. Việc đứng trong phe Đồng minh chống phát xít đã cho phép Tưởng nhận sự trợ giúp về mọi mặt từ Mỹ, vừa để chống Nhật, vừa tiếp tục duy trì áp lực và ngăn cản sự lớn mạnh của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Sau khi Nhật tràn vào Đông Dương (tháng 9/1940), Tưởng ra lệnh mở mặt trận mới ở Tây Nam. Hàng chục vạn quân Quốc dân Đảng kéo xuống Vân Nam, bố phòng dọc biên giới Việt - Lào ngăn chặn quân Nhật đột nhập Vân Nam, hậu phương lớn nhất của Tưởng. Chính lúc này, ý đồ *Hoa quân nhập Việt* của Tưởng được hình thành. Để thực hiện từng bước mưu

đồ đó, Tưởng dùng bọng tay sai trong số người Việt lưu vong ở Trung Quốc, như Trương Bộ Công, Nguyễn Hải Thân, Vũ Hồng Khanh, làm bình phong, xây dựng các trại tình báo dọc biên giới Việt Nam theo dõi, tìm cách phá hoại các hoạt động của Việt Minh và Đảng Cộng sản Đông Dương. Đây là lý do khiến Hồ Chí Minh bị chính quyền Quốc dân Đảng bắt giữ (tháng 8/1942) khi sang Trung Quốc với danh nghĩa đại biểu của Việt Minh và Phân hội Việt Nam của Hội Quốc tế chống xâm lược, nhằm liên lạc với các lực lượng cách mạng Việt Nam hoạt động ở đây và tranh thủ sự ủng hộ của Đồng minh chống phát xít. Điều này đã đi ngược lại chủ trương liên minh các lực lượng chống phát xít của Mỹ.

Đối với Pháp, sau sự kiện ngày 09/3/1945, tướng De Gaulle - chỉ huy lực lượng kháng chiến của Pháp, tranh thủ Anh ủng hộ chủ trương “Đông Dương gồm năm xứ sẽ là tự trị dưới sự bảo trợ của Pháp”. Đồng thời, chỉ thị cho Jean Sainteny và cơ quan tình báo M.5 ráo riết hoạt động chuẩn bị kế hoạch tái chiếm lại Đông Dương. Tuy nhiên, kế hoạch này của Pháp gặp nhiều trở ngại bởi ý đồ *Hoa quân nhập Việt* của Tưởng và từ âm mưu bành trướng thế lực ảnh hưởng của Mỹ.

Để tạo thế có lợi cho cách mạng, Hồ Chí Minh và Đảng tuyên bố Việt Nam gia nhập Đồng minh Quốc tế chống phát xít nhằm thu hút được các lực lượng dân chủ chống phát xít, kể cả Ấn kiều, Pháp kiều và Hoa kiều. Ở ngoài nước, có thể coi Anh, Mỹ, Pháp, Trung Quốc đều là bạn đồng minh, tạo nên thế chính nghĩa cho Việt Minh trong sự nghiệp kháng Nhật, cứu nước.

Nắm bắt ý đồ của Mỹ qua chuyến đi lần thứ nhất, tháng 02/1945, trong không khí tiền khởi nghĩa đã đến gần, Hồ Chí Minh đã có một quyết định táo bạo là trở lại Trung Quốc lần thứ hai. Nhân sự kiện máy bay của trung úy phi công Mỹ William Shaw bị quân Nhật bắn rơi trên vùng trời Cao Bằng được Việt Minh cứu giúp, che chở, Hồ Chí Minh quyết định cùng Shaw sang Côn Minh để tiếp xúc trực tiếp với đại diện tình báo Mỹ, khoét sâu mâu thuẫn trong nội bộ các thế lực đế quốc, tìm thêm sức mạnh vật chất và pháp lý quốc tế cho cuộc chiến đấu của dân tộc mình. Kết quả của cuộc gặp là tướng Claire Chennault - Tư lệnh Không đoàn 14 của Mỹ, đại diện cho lực lượng Đồng minh

tại vùng Hoa Nam, đồng ý nhận cung cấp các phương tiện thông tin liên lạc và huấn luyện cho người của Việt Minh sử dụng các phương tiện thông tin liên lạc đó; phía Việt Minh đồng ý cung cấp địa bàn hoạt động cho Mỹ ở Việt Bắc. Ngày 17/7/1945, Đội công tác đặc biệt “Con Nai” (OSS - Cục công tác chiến lược) gồm 05 người do Thiếu tá tình báo Mỹ Thomas phụ trách đã nhảy dù xuống Tân Trào. “Trong bảy tuần lễ ở đây, Thomas và các chuyên gia người Mỹ đã đề ra bốn tuần lễ để huấn luyện cho khoảng hai trăm người được lựa chọn kỹ lưỡng để làm cán bộ lãnh đạo tương lai cho quân đội của các tướng Chu Văn Tấn và Võ Nguyên Giáp về sử dụng những vũ khí Mỹ mới nhất và chiến thuật du kích”⁽²⁰⁾.

Chính sức mạnh quốc tế khách quan mà Hồ Chí Minh tận dụng được, đã tạo thế có lợi đưa cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 nhanh chóng giành được thắng lợi trọn vẹn. Khi giành được chính quyền từ tay phát xít Nhật, cách mạng Việt Nam đã có thể hợp pháp là đứng vào hàng ngũ Đồng minh chống phát xít để ra *Tuyên ngôn độc lập* và tiếp đón quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật. Quân Pháp (De Gaulle) và Trung (Tưởng) - thuộc hàng ngũ Đồng minh chống phát xít, dù có ý đồ xâm lược Việt Nam cũng không thể phủ nhận được chân lý hiển nhiên này.

3. Tranh thời

Dấu ấn Hồ Chí Minh trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 còn là nghệ thuật tranh thời. Theo Hồ Chí Minh, có *thế* và có *lực* cũng chưa đủ. Cách mạng muốn thắng lợi, người lãnh đạo phải biết chọn *thời cơ* tốt nhất để phát động lực lượng cách mạng xung trận đê bẹp kẻ thù, giành chính quyền về tay Nhân dân. Thời hay thời cơ cách mạng là thời điểm hội tụ tất cả những điều kiện khách quan và chủ quan thuận lợi nhất cho cách mạng nổ ra và giành thắng lợi. Không chỉ coi trọng mà Hồ Chí Minh còn xem thời cơ là sức mạnh, là lực lượng và đòi hỏi người cách mạng phải chăm chú theo dõi, chủ động nắm bắt thời cơ và khi thời cơ đến phải kịp thời hành động. Nói về vai trò của thời cơ, trong bài *Học đánh cờ*, Người viết:

“Lạc nước, hai xe cũng thành vô dụng,
Gặp thời, một tốt có thể thành công”⁽²¹⁾.

Trong bài *Đông Dương và Thái Bình Dương* đăng trên Tập san *Inprekorr*, tiếng Pháp, số 18 (ngày

19/3/1924), sau khi phân tích vị trí, tầm quan trọng của vấn đề Đông Dương và Thái Bình Dương cùng tham vọng của bọn đế quốc ở vùng này, Nguyễn Ái Quốc tiên đoán rằng: “Vi đã trở thành một trung tâm mà bọn đế quốc tham lam đều hướng cả vào nhòm ngó, nên Thái Bình Dương và các nước thuộc địa xung quanh Thái Bình Dương, tương lai có thể trở thành một lò lửa của chiến tranh thế giới mới mà giai cấp vô sản sẽ phải nai lưng ra gánh”⁽²²⁾. Dự đoán về một cuộc chiến mới sắp nổ ra ở Thái Bình Dương nên Hồ Chí Minh rất nóng lòng về nước để nắm bắt thời cơ. Tháng 6/1940, tại Côn Minh, sau khi hay tin Paris bị phát xít Đức chiếm, Người triệu tập cuộc họp với một số đồng chí cốt cán của Đảng và đưa ra nhận định: “Việc Pháp mất nước là một cơ hội rất thuận lợi cho cách mạng Việt Nam. Ta phải tìm mọi cách về nước ngay để tranh thủ thời cơ. Chậm trễ lúc này là có tội với cách mạng”⁽²³⁾. Sau khi về nước, tiếp tục dõi theo tình hình “nhận rõ thời cuộc, lặng dò thời cơ”⁽²⁴⁾, trong bài thơ *Lịch sử nước ta* (tháng 02/1942), ở mục *Những năm quan trọng*, Hồ Chí Minh tiên đoán “1945 Việt Nam độc lập”⁽²⁵⁾. Do vậy, Người chỉ đạo phải khẩn trương tạo lực cho cách mạng như: phát triển Đảng, thành lập và củng cố các Hội Cứu quốc trong Mặt trận Việt Minh, xây dựng lực lượng vũ trang, lập căn cứ địa cách mạng...

Ngày 09/8/1944, Hồ Chí Minh trở về Việt Nam sau hơn một năm bị chính quyền Tưởng giam cầm ở Trung Quốc. Trong *Thư gửi đồng bào toàn quốc* (tháng 10/1944), Người nhận định: “Phe xâm lược gần đến ngày bị tiêu diệt. Các Đồng minh quốc sắp tranh được sự thắng lợi cuối cùng. Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh”⁽²⁶⁾. Gấp, nhanh nhưng không đồng nghĩa với phiêu lưu, làm bừa, làm ẩu, không được “tả” khuynh, nóng vội mà phải “thập diện mai phục”, “ẩn mình chờ thời”. Vì vậy, dù xét thấy tình hình thế giới và Đông Dương chuyển biến ngày càng có lợi cho ta nhưng nhận định thời cơ chưa đến, nên Người đã ra lệnh hoãn cuộc khởi nghĩa ở Cao Bằng (cuối tháng 9/1944). Và thời cơ thuận lợi cũng đến, phe phát xít bại trận, Nhật đầu hàng, chính quyền tay sai của Nhật ở Đông Dương hoang mang, tan rã. Hồ Chí Minh và Đảng kịp thời nắm bắt, phát động tổng khởi nghĩa trên toàn quốc.

Thời cơ khởi nghĩa ngàn năm có một đã được Hồ Chí Minh chọn một cách chính xác trong khoảng 15 ngày trước khi quân Tưởng và quân Anh đổ bộ vào Đông Dương. Nếu phát động tổng khởi nghĩa sớm hơn, khi Nhật chưa đầu hàng và chính quyền tay sai của Nhật chưa tan rã, chắc chắn nhân dân ta sẽ tổn thất nhiều xương máu. Nếu phát động tổng khởi nghĩa muộn hơn, lúc quân Đồng minh đã vào Đông Dương thì cách mạng Việt Nam sẽ mất đi thế chủ động và sẽ gặp nhiều khó khăn khác. Với nhãn quan chính trị hơn người, Hồ Chí Minh chọn được *thời cơ tốt nhất*, góp phần làm cho thế và lực phát huy tác dụng cao nhất đưa cách mạng đến thành công to nhất. Chính vì vậy, Cách mạng Tháng Tám năm 1945 in đậm dấu ấn của Hồ Chí Minh.

Tóm lại, tuyệt đối hóa yếu tố thời cơ là đánh giá thiếu khách quan, không khoa học, nhưng lại giàu dụng tâm hạ thấp, làm lu mờ, phủ nhận vai trò của Hồ Chí Minh và Đảng cũng như sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Luận điệu xuyên tạc lịch sử trên là quá lộ liễu. Bởi, các sử gia này không thể trả lời thuyết phục trước câu hỏi: “Tại sao khi cơ hội được chia đều cho tất cả các nước ở khu vực Đông Nam Á thì duy nhất Việt Nam làm cách mạng thành công?”. Xin mượn lời của Patti - một sĩ quan tình báo Mỹ phụ trách tình hình Đông Dương phản bác lại quan điểm trên: “Trong điều kiện của tháng 8/1945, ông Hồ đã biến được những tiềm năng hạn chế của mình thành thắng lợi trong một câu chuyện thật giống như thần thoại. Nhưng chắc chắn ông Hồ sẽ không thể thành công nếu như Đảng Cộng sản Đông Dương của ông đã không được tổ chức và chuẩn bị tốt cho việc giành chính quyền. Nhiều năm chuẩn bị không phải là vô bổ”⁽²⁷⁾.

Hiện nay, trước xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng cùng sự cạnh tranh lợi ích giữa các quốc gia - dân tộc ngày càng gay gắt, để bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia và đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững theo con đường xã hội chủ nghĩa, thì phương pháp tạo lực, lập thế, tranh thời của Hồ Chí Minh vẫn là kim chỉ nam cho Đảng cùng Chính phủ trong xây dựng đường lối, ban hành quyết sách cả đối nội lẫn đối ngoại □

(xem tiếp trang 68)

nhệm của mình nhằm khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, như chính sách thuế, cho thuê đất... Đặc biệt, cần có các quy định cụ thể hơn về khuyến khích phát triển công nghiệp phụ trợ, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nói chung và nông nghiệp công nghệ cao nói riêng; tiếp tục đẩy mạnh cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, quyết liệt trong đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại vào thực hiện các thủ tục hành chính và quản lý hành chính, thực hiện có hiệu quả phòng, chống tham nhũng; chỉ đạo triển khai đồng bộ việc phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất, giải quyết kịp thời các kiến nghị của doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy sự phát triển của kinh tế tư nhân cũng như nâng cao hiệu quả của chính sách tín dụng đối với thành phần kinh tế này.

Sáu là, Chính phủ chỉ đạo Bộ Tài chính nghiên cứu, triển khai rộng rãi chính sách bảo hiểm trong nông nghiệp để tạo điều kiện thuận lợi cho ngân hàng và doanh nghiệp yên tâm trong việc triển khai dự án liên kết, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp,

đặc biệt là chính sách bảo hiểm đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực. Bộ Tài chính cần xem xét trình Chính phủ về hoàn thiện mô hình và cơ chế, chính sách tín dụng nhà nước do Ngân hàng Phát triển Việt Nam thực hiện, phát huy vai trò của định chế tài chính này trong thực hiện chính sách tín dụng nhà nước nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân.

Trong số các chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế nói chung và phát triển kinh tế tư nhân nói riêng, chính sách tín dụng có vai trò hàng đầu vì đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng cho sản xuất kinh tế, dịch vụ và tiêu dùng. Tuy nhiên, để chính sách tín dụng phát huy hiệu quả đòi hỏi cần có sự chuyển động đồng bộ, kịp thời của các chính sách khác có liên quan, sự vào cuộc thực sự của các ngành, các cấp khác □

(1), (2), (3), (5), (6), (7), (8) và (9) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, *Báo cáo hoạt động ngân hàng các năm 2017; 2018 và năm 2019*, Hà Nội, tháng 12/2019

(4) *Báo cáo hoạt động ngân hàng 6 tháng đầu năm 2020 tại phiên họp thường kỳ tháng 7/2020 của Chính phủ*

LÃNH TỤ NGUYỄN ÁI QUỐC VỀ NƯỚC (NĂM 1941) - HOÀN CHỈNH...

(tiếp theo trang 45)

(1) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, t.1, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 209

(2) Vũ Anh, *Bác Hồ về nước*, Hội Văn học nghệ thuật Cao Bằng, 1986, tr. 14-15

(3) Đầu năm 1940, Nguyễn Ái Quốc gặp các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp ở Côn Minh vừa từ Việt Nam sang

(4) Cột mốc 108 là một trong 314 cột mốc biên giới Việt Nam - Trung Quốc được lập theo Công ước hoạch định biên giới ký kết giữa chính quyền Pháp ở Đông Dương và triều đình Mãn Thanh (Trung Quốc) cuối thế kỷ XIX. Năm 2001, Việt Nam và Trung Quốc đã hoạch định phân giới cắm mốc, qua đó thống nhất giữ lại cột mốc 108 làm di tích lịch sử, bởi đó là dấu mốc sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài, lãnh tụ Nguyễn

Ái Quốc đã đặt bước chân đầu tiên trở về Tổ quốc. Cách cột mốc 108 khoảng 5m là cột mốc 675; cột mốc 675 phân định ranh giới giữa Việt Nam - Trung Quốc mang ý nghĩa pháp lý; cột mốc 108 có ý nghĩa lịch sử sâu sắc

(5) Võ Nguyên Giáp, *Những chặng đường lịch sử*, Nxb Văn học, Hà Nội, 1977, tr. 38-39

(6), (8), (9) và (11) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.7, Nxb Chính trị quốc gia Hà Nội, 2000, tr. 100, 112, 113 và 131-132

(7) và (10) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Đảng, *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập I (1930 - 1954), quyển 1 (1930 - 1945)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018, tr. 518 và 519